

Hà Nội 5000 hồ Hoàn Kiếm: Sử dụng nghệ thuật thu hút giới trẻ quan tâm đến tương lai của đô thị

Lisa Drummond

Bộ môn Khoa học xã hội, Khoa Nghệ thuật, Đại học York, Canada

Tóm tắt: Triển lãm Hà Nội 5000 hồ Hoàn Kiếm (3-4/2007) có mục đích khám phá góc nhìn của giới trẻ về tương lai của thành phố và khơi dậy những cuộc tranh luận về sự phát triển của thành phố qua cách tiếp cận không được định hướng trước. Để chuẩn bị cho cuộc triển lãm, một nhóm 6 họa sĩ đã thực hiện một cuộc khảo sát đối với thanh niên Hà Nội, thông qua điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn có hoặc không ghi hình trên 250 người, chọn mẫu ngẫu nhiên và có chủ đích ở công viên, vỉa hè, cả bên ngoài lẫn bên trong khuôn viên trường đại học và ở lớp học. Triển lãm đã góp thêm một tiếng nói đúng lúc vào cuộc tranh luận về cảnh quan của Hà Nội: không gian công cộng của đô thị là gì, nên tổ chức như thế nào? Làm sao để những cái nhìn không đặc trưng, không máy móc về thành phố trở thành những ước mơ, khát vọng về đô thị, qua đó nâng cao nhận thức và khuyến khích giới thanh niên thành thị - những chủ nhân tương lai của thành phố thể hiện quan điểm của chính mình.

Từ khóa: Thanh thiếu niên; Giới trẻ Hà Nội; Không gian công cộng; Đô thị.

Người đọc có thể bất ngờ và thậm chí băn khoăn khi bắt gặp dòng chữ, cũng chính là tiêu đề của cuộc triển lãm: “Hà Nội 5000 hồ Hoàn Kiếm” (Nhóm P-Art, 2007). Tiêu đề này được trích từ một cuộc phỏng vấn do

nhóm họa sỹ thực hiện để chuẩn bị cho triển lãm. Trả lời câu hỏi phỏng vấn “Ước mơ hoang đường nhất của em về Hà Nội trong tương lai là gì?” một học sinh đã nói, em ước Hà Nội sẽ có 5000 hồ Hoàn Kiếm để mọi người dân Hà Nội đều được sống bên cạnh một trong những biểu tượng quan trọng của Thủ đô. Sự tưởng tượng về một thành phố trong đó mọi người đều được ở khu vực mang tính biểu tượng, trung tâm nhất, nổi bật nhất đã thôi thúc các nghệ sỹ chọn tiêu đề đó cho cuộc triển lãm.

“Hà Nội 5000 hồ Hoàn Kiếm” đã được thể hiện thành những khái niệm cũng như hiện thực hóa bởi 6 nghệ sỹ của nhóm P-Art - một nhóm sưu tập nghệ thuật mở, được thành lập từ tháng 6/2006, gồm: Nguyễn Xuân Long, Hà Mạnh Thắng, Đỗ Tuấn Anh, Vương Văn Thảo, Lê Quý Tông và Lê Vũ Long. Nhóm này về sau đã thuê một ngôi nhà nhỏ trong thành phố để làm nơi gặp gỡ gỡ, tiếp xúc, trao đổi với các nghệ sỹ, nơi để tự tổ chức các cuộc triển lãm, một không gian mở và linh hoạt cho các nghệ sỹ tham gia hoạt động. Không lâu sau, Đại sứ quán Đan Mạch thông báo có một quỹ văn hoá mới cho phép các nghệ sỹ và những nhà thực hành văn hóa đệ đơn xin tài trợ. Nhóm P-Art quyết định đệ đơn xin tài trợ. Sau những bàn tính kỹ càng, một dự án đã hình thành để phác họa ra tương lai của Hà Nội dưới một cách tiếp cận không được định hướng trước, đây là một nỗ lực để người Hà Nội tham gia đóng góp ý kiến bên cạnh quan điểm của các chuyên gia, các nhà chuyên môn, để tư duy vượt qua những điều “có khả năng” và đến với sự phong phú của những gì “có thể”.

Để tiếp cận với những tưởng tượng phong phú này, các nghệ sỹ cho rằng có thể vận động lấy ý kiến tham gia của giới trẻ trong thành phố. Lòng ghép những người trẻ tuổi và ý kiến của họ vào một dự án có thể đạt được cả hai mục tiêu: vừa mở rộng các ý kiến ngoài những thứ bị giới hạn như là khuôn mẫu về vùng hay giao thông, vừa thúc đẩy giới trẻ tích cực suy nghĩ và tham gia đóng góp vào quy hoạch thành phố tương lai của chính họ. Ý kiến của giới trẻ qua phỏng vấn, khảo sát được tích hợp đưa vào các tác phẩm riêng hoặc một phân bộ sưu tập của các nghệ sỹ chuẩn bị cho triển lãm, đồng thời các nghệ sỹ cũng hy vọng qua đó thúc đẩy giới trẻ nghĩ về việc họ muốn thành phố sẽ phát triển theo hướng như thế nào. Họa sỹ Nguyễn Xuân Long cho rằng: các nghệ sỹ và các bạn trẻ tham gia đối thoại đều thuộc thế hệ sau chiến tranh (ít nhiều gì đó), và ngoài tuổi tác ra, thì họ có vẻ “giống nhau” về nhiều phương diện quan trọng hơn là so với các thế hệ già hơn. Tất cả những người này đều được sinh ra và lớn lên trong thời bình, sau khi chiến tranh kết thúc năm 1975, họ không có ký ức về chiến tranh, họ hầu như không phải trải qua những khó khăn của thời kỳ bao cấp, thời kỳ được kết thúc vào năm 1986 nhờ có chính sách

mở cửa. Do đó, họ có thể dễ hiểu nhau hơn so với các thế hệ trước, hoặc ít ra thì đó cũng là mong muốn của các nghệ sĩ.

Một trong số các nghệ sĩ là giáo viên họa ở trường tiểu học. Anh đã phát cho học sinh một bảng hỏi điều tra gắn với câu hỏi rất đơn giản: “Ước mơ hoang đường nhất của em về Hà Nội trong tương lai là gì?”. Các nghệ sĩ (và trong một số trường hợp có cả tôi) đã mang máy quay phim đến một số nơi trong thành phố và gặp các bạn trẻ đã đưa ra câu trả lời trong bảng hỏi (chỉ tính riêng với một câu hỏi), sau đó yêu cầu nhắc lại câu trả lời của họ hoặc đưa ra ý kiến mới trước ống kính máy quay. Tổng cộng có khoảng 250 người ở lứa tuổi từ 10 hoặc 12 (học sinh tiểu học) đến khoảng 25 tuổi (sinh viên cao đẳng, đại học) tham gia vào phần nghiên cứu này của dự án. Các nghệ sĩ lần đầu tiên thực hiện phỏng vấn nghiên cứu, cho nên cũng không ngạc nhiên, ban đầu họ đã thất vọng về kết quả phỏng vấn. Trái lại, tôi thì hết sức ngạc nhiên khi thấy rằng có hơn một nửa số người tham gia đồng ý cho chúng tôi ghi hình họ trả lời phỏng vấn. Đó là tỷ lệ ngoài sức tưởng tượng của tôi trong những tình huống như thế này. Các nghệ sĩ có phần không hài lòng về chất lượng câu trả lời của các bạn trẻ ở chỗ những câu trả lời đó không được sáng tạo cho lắm như mong đợi của các nghệ sĩ. Sau đó, đáp lại câu hỏi mà tôi đưa ra đối với các nghệ sĩ, Nguyễn Xuân Long cho rằng: “trước hết... hầu hết mọi người đều đưa ra câu trả lời chung chung, không đặc sắc lắm. Có thể là bởi vì họ đã hầu như chưa từng có cơ hội để thể hiện, bày tỏ suy nghĩ của cá nhân mình về Hà Nội. Rất nhiều người trong số đó lần đầu tiên cảm thấy mình cũng quan trọng đối với Hà Nội, do vậy mà họ ngạc nhiên và câu trả lời của họ bị lộn xộn”. Nhưng với sự khuyến khích và cố gắng hết sức để thúc đẩy, chúng tôi đã tiếp cận họ theo nhóm và họ tỏ ra “hào hứng thể hiện mình” nên nhiều câu trả lời của các bạn trẻ đã hơn hẳn cả mong đợi của tôi. Dĩ nhiên là cũng có khá nhiều câu trả lời “kiểu mẫu” mà công bằng mà nói thì cũng có thể đoán trước được, cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên rằng trong xã hội tồn tại và khắc sâu các quan điểm và hành vi kiểu mẫu (Bélanger, 2004; Drummond, 2004; Ngo, 2004; Werner, 2004). Với những câu trả lời này, tương lai của Hà Nội được mô tả như là: không còn đói nghèo và vô gia cư, sạch sẽ, hiện đại, v.v., nhưng tôi cũng không hề coi những ý kiến đó là hoàn toàn không có giá trị bởi sự ghi nhớ các chuẩn mực mà Đảng và Nhà nước đề ra; có ai không mong muốn tương lai sẽ không còn đói nghèo chứ? Có ai không mong muốn môi trường sạch sẽ? Nhưng cũng không có gì ngạc nhiên khi nhóm nghệ sĩ bị hấp dẫn bởi những câu trả lời hoang đường nhất, như: “con người sẽ sống trong những ô tròn như những bọt không khí”, “mọi người đều có thể bay được”, “mọi

thứ khi chạm vào đều có thể phát ra âm thanh của một nhạc cụ nào đó”, “các nhà khoa học sẽ tìm ra nguồn năng lượng mới ở Hà Nội từ một viên kim cương lớn”, “nhà sẽ được xây trên những cánh diều”, “mọi người ở Hà Nội không phải làm việc, họ chỉ toàn trông hoa hồng thôi”. Nhiều câu trả lời cũng đề cập đến việc sẵn sàng cân nhắc lại những giá trị hiện đại thông thường để nắm bắt các hình mẫu và công nghệ khác, chẳng hạn như: xe đạp chứ không phải ô tô, nhà thấp tầng chứ không phải nhà chọc trời; và một câu trả lời tuyên bố đơn giản rằng: “hiện đại và cổ xưa sẽ cùng tồn tại”. Một số lượng khá nhiều câu trả lời nhấn mạnh đến các lĩnh vực và không gian công cộng của thành phố, ước mong có nhiều công viên hơn, phương tiện giao thông công cộng tốt (“xe điện ngầm lớn nhất thế giới”), sinh viên không phải đóng học phí, loại trừ được các vấn đề về sức khỏe và xã hội như: trộm cắp, nghiện hút, AIDS, “thư viện lớn nhất hành tinh”.

Để chuẩn bị cho cuộc triển lãm, mỗi nghệ sĩ tạo ra một tác phẩm sắp đặt riêng (2 nghệ sĩ tạo ra 2 tác phẩm riêng), và tham gia vào việc tạo ra những bức tranh chung. Các ý kiến thu được qua nghiên cứu được nhận thức và tác động đến các nghệ sĩ theo những cách khác nhau. Họa sĩ Đỗ Tuấn Anh tạo ra tác phẩm sắp đặt có tên: “Chiếc hộp về những ký ức tương lai” (Box of My Future Memories) bao gồm một căn phòng nhỏ và tối mà người xem phải vào bên trong nó, ánh sáng lập lờ qua các đường ống dẫn ánh sáng vào một loạt màn hình mà trên đó là các hình vẽ được phát ra từ máy tính về cái nhìn tương lai của những không gian tượng trưng trong thành phố, như là hồ Hoàn Kiếm, qua đó khuôn mặt nam treo lơ lửng xuất hiện theo kiểu cổ điển da Vinci. Trong cảnh trí đó, một thứ âm nhạc không sao tả xiết nhưng hấp dẫn kỳ lạ của người nhạc sĩ sử dụng các dụng cụ âm nhạc truyền thống của Việt Nam được cất lên. Tuấn Anh bày tỏ: “Tôi rất ấn tượng về sự lạc quan của các bạn trẻ - những người được phỏng vấn (về câu trả lời) ví dụ: “một thành phố của kính và ánh sáng”; điều đó cho thấy con người có một sức mạnh phi thường”. Đó là những thứ mà tôi cố gắng thể hiện trong tác phẩm của mình. Vương Văn Thảo cho biết nhiều ý kiến có được từ các cuộc phỏng vấn được anh thể hiện trong những bức tranh chung của nhóm, trong đó mỗi họa sĩ cung cấp một tác phẩm nào đó tạo nên một trong 5 phần của tác phẩm – trong đó họa sĩ đã thêm vào những chiếc xe đạp, những ngọn tháp vào trung tâm hồ Hoàn Kiếm, một số khác lại được thêm vào đôi cánh như cầu Long Biên hay một số thứ khác mà các bạn trẻ đã nêu ra khi trả lời phỏng vấn. Với hai trong số các tác phẩm của riêng anh, Hoá thạch sống (Living Fossils) và Thành phố hòa bình (the Peaceful City), tác giả đã nêu bật quan điểm của mình về bảo tồn di sản và vai trò của nó đối với cảnh quan hiện tại, nhờ đó mỗi tác phẩm đều

mang ý nghĩa “hoà bình” cho thành phố. Ở tác phẩm thứ 3, và tác phẩm sắp đặt chính, có tên gọi là “Ước mơ tuổi thơ” (Children’s Dreams), trên một chiếc hộp vuông nền trắng, tác giả đã tạo nên 200 hình vẽ Tháp Rùa ở trung tâm hồ Gươm, từng hình vẽ đều có sự khác biệt so với hình khác, tất cả các hình đều được vẽ theo kiểu trẻ con, trông như là tác phẩm do các em học sinh tiểu học trong lớp học vẽ của anh vẽ nên. Và sau đó, tác giả cho biết, “Chính các em học sinh đã nói rằng: “Em có thể vẽ được như thế”. Tự nhiên tôi thấy thật vui vì câu nói ấy, bởi điều đó có nghĩa là tôi đã làm được điều mình muốn làm khi thực hiện công việc này, tức là vẽ theo cách mà các em cảm nhận”. Nguyễn Xuân Long lại tạo nên một tác phẩm sắp đặt tương tác có tựa đề “Món ăn Hà Nội” (Hanoi Food) gồm một chiếc bàn có bày sẵn các “món ăn” và một chiếc khay để đựng “đồ ăn”. Trên chiếc khay, thay vì để đựng món ăn là các vật dụng đồ chơi và những hình khối đều được thu nhỏ như: ngôi nhà, cái cây, xe đạp, ô tô, con người, ngôi đền - một loạt những thứ có thể tìm thấy ở thành phố. Bắt đầu bữa tiệc, mỗi người được mời tham gia lấy một cái đĩa và đặt vào đó những thứ mà họ mong muốn được thấy ở Hà Nội tương lai, rồi đem cái đĩa “thức ăn” của mình đặt vào một trong số những cái bệ dụng sẵn, cuối cùng là viết những dòng nhắn gửi về mong ước của họ vào tờ giấy nhắn và dán lên cái bệ đặt đĩa “thức ăn” của mình. Trong suốt cuộc triển lãm, một màn hình được thiết kế bên cạnh để chiếu một đoạn phim về bữa tiệc và việc lựa chọn món ăn của những người tham gia; người xem được mời viết vào mảnh giấy dán (giấy nhớ) những quan điểm của họ về thành phố tương lai và dính vào tác phẩm sắp đặt của họa sỹ Xuân Long cho rằng khi bắt đầu dự án mỗi họa sỹ đều đưa ra đề xuất cho những mẫu sắp đặt cá nhân và trong các đề xuất này các mẫu đều mang tính đặc trưng theo phong cách và thể loại của từng họa sỹ chứ không hẳn đã bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chủ đề của dự án. Trong quá trình triển khai dự án, nhờ các cuộc trao đổi và phỏng vấn, cũng như đọc lại những câu trả lời trong bảng hỏi, tác phẩm của họ đều có sự chuyển biến mà như những gì họ đã thể hiện, cuối cùng, phản ánh trực tiếp hơn đến chủ đề dự án cũng như các quan điểm, ý tưởng được giới trẻ đề xuất.

Một trong những khía cạnh hấp dẫn của cuộc triển lãm là đã có cuộc hội thảo dành cho lớp mỹ thuật của học sinh tiểu học và những bạn trẻ khác đã tham gia trả lời phỏng vấn của các họa sỹ. Các họa sỹ mong muốn chỉ cho những người đã tham gia thấy những gì họ thu nhận được và sau đó đã thể hiện trong tác phẩm. Tất cả 6 họa sỹ đều xuất hiện để mô tả về những mẫu sắp đặt mà họ đã tạo ra (cá nhân và tổng hợp) và trao đổi về việc những ý tưởng thu được từ các cuộc khảo sát đã tác động ra sao đến

các tác phẩm mà họ đưa ra trong cuộc triển lãm. Như chúng tôi đã dự liệu trước, tại một số cuộc gặp gỡ, những cuộc trao đổi đã được sắp đặt bên lề hội thảo, các họa sĩ đứng bên cạnh các tác phẩm sắp đặt để giải thích và trả lời các câu hỏi. Trong khi đấy, nhân viên bảo tàng đã giúp đỡ bày biện trên một chiếc bàn lớn có đủ khăn trải bàn, microphone và nước uống đóng chai chuẩn bị cho một cuộc hội thảo như thường lệ. Cả họa sĩ và các em nhỏ ngay lập tức nhận biết được sự chuẩn bị này và sau đó rất nhanh chóng nhiều em xuất hiện ở cuộc triển lãm đã kiếm 1 ghế ngồi và nghe các họa sĩ trình giảng. Điều này vô hình chung đã khiến các họa sĩ không cảm thấy thật thoải mái khi giải thích về tác phẩm của mình. Điều này cũng khiến cho 2 bên bị chuyển từ trạng thái đã thân thiện sang trạng thái cứng nhắc, mang tính trang trọng và hình thức khi đưa ra câu hỏi cũng như câu trả lời. Cuối cùng, các nhân viên bảo tàng và tôi đã khuyến khích các họa sĩ đứng bên cạnh tác phẩm của mình còn học sinh đứng xung quanh trong phòng triển lãm và trực tiếp đặt câu hỏi về các mẫu sắp đặt trước mặt chúng.

Điều này đem lại hiệu quả cao hơn nhiều trong việc làm nảy sinh các tranh luận và thúc đẩy đưa ra câu hỏi, các em học sinh nhanh chóng cảm thấy tự do hơn và bắt đầu đưa ra câu hỏi “chất vấn” các họa sĩ về các tác phẩm của họ. Đối với học sinh tiểu học, có thể thấy rõ là chúng phát hiện hầu hết các tác phẩm đều gây một sự bối rối, tuy có gây tò mò và hấp dẫn. Thật khó để khiến một số các em tránh ra khỏi tác phẩm “Chiếc hộp về những ký ức tương lai” của Đỗ Tuấn Anh và để các em khác có cơ hội ngắm tác phẩm. Tác phẩm “Văn hóa siêu nhân” (một bức tượng cao lớn về 1 ‘siêu nhân’ được làm từ các bộ phận của 1 chiếc xe đạp cũ), đã thu hút một số học sinh tham quan, trong khi một số khác lại dành nhiều thời gian hơn để xem kỹ những chiếc đĩa “những yếu tố của 1 thành phố tương lai” trong tác phẩm “Thức ăn Hà Nội” của họa sĩ Nguyễn Xuân Long. Có nhiều câu hỏi về tác phẩm “Giấc mơ nhà chọc trời” của họa sĩ Hà Mạnh Thắng, thể hiện một chiếc tháp cao được làm bằng những viên gạch bằng kính, ở đó những tầng dưới cùng được lấp đầy bằng các chiếc lông vũ màu hồng, còn các tầng trên cao được chạm khắc bằng các mẫu dán trong suốt là những sao chép từ các logo và nhãn hiệu nổi tiếng. Các em học sinh đã chen lấn nhau để xem những ngôi nhà được thực hiện bằng chất axít acrylic trong suốt ở tác phẩm “Hóa thạch sống” của họa sĩ Vương Văn Thảo, và một số khác dành thời gian để tham quan tỉ mỉ tác phẩm 200 bức tranh Hồ Gươm của anh để xem xem liệu có cái nào trùng nhau không.

Khi sự tò mò được khuyến khích các em học sinh tham quan đã trực tiếp hỏi và đi thẳng vào vấn đề về việc tại sao những mẫu này được xem

dưới góc độ mỹ thuật và tại sao họa sỹ lại muốn sáng tạo ra chúng. Sự tương tác này, đối với chúng tôi, tôi nghĩ, là một trong những khía cạnh thành công nhất của cuộc triển lãm, đặc biệt nhìn ở bối cảnh xã hội khi mà có quá ít sự giáo dục công chúng về mỹ thuật, nhiều viện bảo tàng đã không có giảng viên và ngay cả họa sỹ cũng thiếu, may ra thì chỉ có đủ hướng dẫn viên. Hầu hết các họa sỹ cho biết họ sẽ sẵn sàng làm việc cho các dự án trong tương lai liên quan đến giới trẻ, và kinh nghiệm về việc thu hút các nhóm xã hội bên ngoài tham gia và đóng góp ý tưởng cho những việc trên quả là hấp dẫn và đáng để học tập. Trong khi việc sáng tạo mỹ thuật thường là công việc mang tính riêng lẻ cá nhân, dự án triển lãm này sẽ khiến các họa sỹ phải tự mình suy nghĩ một cách nghiêm túc về ý nghĩa mỹ thuật mà họ đem đến cho những người quan tâm.

Cuộc triển lãm này đã được tổ chức tại Viện Bảo tàng Mỹ thuật Quốc gia và đã có nhiều phương tiện thông tin đại chúng, truyền hình và phát thanh đưa tin rộng rãi; đây có thể là một trong những hoạt động triển lãm tư nhân (không phải do Nhà nước tài trợ) lớn nhất từ trước tới nay được thực hiện tại Hà Nội. Cuộc triển lãm được tổ chức đúng lúc khi mà ngay sau sự kiện này, chính quyền sở tại đưa ra nhiều quyết sách cho phép phát triển quỹ đất của một số công viên vốn đã ít ỏi trong Thành phố. Ba trong số những công viên lớn nhất, gồm cả công viên Thống Nhất ở trung tâm thành phố, trước đây có tên là công viên Lenin, sẽ được cải tạo và tái phát triển thành các không gian thương mại. Trường hợp 2 công viên còn lại, rõ ràng rằng tất cả khoảng đất rộng đã được dành để xây dựng khách sạn, chung cư và các khu mua sắm. Với trường hợp công viên Thống Nhất, 75% đất công viên đã được dành cho các cơ sở thương mại, còn lại quá ít không gian xanh miễn phí cho người dân (Drummond, 2007a). Thực tế cho thấy không gian dành cho giới trẻ thành phố đang trở nên gò bó vì họ đã trở nên bất lực trong việc phải chi trả bao nhiêu là khoản tiền cho việc giải trí; công viên, không gian ven hồ, vỉa hè, không gian xanh và những khoảng không ven lề khác là những không gian cực kỳ quan trọng vì bất kỳ ai cũng có thể sử dụng mà không phải bỏ tiền ra. Nếu không có những không gian đó, những bạn trẻ không có khả năng có được nguồn thu nhập lớn sẽ chỉ có rất ít không gian trong thành phố dành cho họ. Giới trẻ ngày nay cảm nhận một cách sâu sắc rằng thiếu những không gian hấp dẫn, an toàn và miễn phí cũng như những không gian có thể sử dụng chuyên biệt làm nơi gặp gỡ bạn bè, hoạt động thể thao và để nghỉ ngơi yên tĩnh (Drummond and Nguyễn Thị Liên, sắp xuất bản). Tại công viên Thống Nhất vào một buổi chiều, trong khi ghi hình phỏng vấn với các nghệ sỹ, chúng tôi đã bắt gặp một nhóm bạn trẻ đang tụ họp sau giờ học để tập nhảy

hip-hop; nhóm của họ đã hình thành thông qua internet và họ gặp mặt hàng ngày để học các bước nhảy (được chọn lọc từ video và truyền hình), họ chỉ mang theo một máy nghe đĩa CD và sự quyết tâm. Các vũ công ước tính rằng có khoảng 8 hay 9 nhóm học nhảy hip-hop thành lập tại các diễn đàn chat qua mạng và hiện nay tụ họp tại các công viên trong khắp thành phố để chia sẻ kinh nghiệm. Giấc mơ của một vũ công hip-hop về Hà Nội tương lai là “có nhiều không gian dành cho hip-hop”.

Những dự án tái phát triển các công viên này đang làm mất đi giá trị của những khoảng không gian phi thương mại và những hoạt động phi thương mại bởi những dự án này dường như có quyền tạo ra khung cảnh, hình hài của đô thị. Do đó, những quan điểm biện chứng về một thành phố tương lai và những giá trị nào của nó nên có, những giá trị nào sẽ mất đi là những vấn đề hiện nay và cũng đã tới lúc mà người Hà Nội cần lên tiếng. Những người Hà Nội trẻ đã đáp lại câu hỏi nghiên cứu được đưa ra, đồng ý đứng trước máy ghi hình, đưa ra ý kiến của họ bằng cách viết ra và thông qua email, là những người mà sẽ sống chung với hậu quả của những quyết định hôm nay lâu dài nhất; và như thường lệ, những quan điểm của họ vẫn hiếm khi thu hút được sự chú ý và càng hiếm khi được để mắt tới. Tiêu điểm của cuộc triển lãm được thực hiện bởi nhiều họa sĩ đã làm sống lại những quan điểm đã bị bỏ qua như thể “ngây ngô” và “không thực tế” cũng như báo trước những khả năng được mô phỏng cho các nhà cải cách đô thị hiện tại và tương lai, thực tiễn và tiềm năng. ■

Chú thích

(1) Bài viết được đăng lần đầu trên Tạp chí “*Children’s Geographies*” Quyển 5, số 4, tr. 479-488, tháng 11/2007 và lần này được đăng bằng tiếng Việt với sự cho phép của Routledge/Taylor & Francis. Dự án và triển lãm được tài trợ bởi Quỹ trao đổi và phát triển văn hóa Đan Mạch, với sự hỗ trợ của Hội đồng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn Canada cùng sự phối hợp của Công ty Cổ phần Thiết kế Chế bản và In công nghệ cao Hà Nội trong việc xuất bản catalogue cho triển lãm. Triển lãm được tổ chức bởi Bà Natalia Kraevskaia và tác giả bài viết này đã được mời tham gia như một “chuyên gia” về Hà Nội và không gian công cộng. Dịch tiếng Việt: Ths. Nguyễn Thị Liên – Báo Đấu thầu – Bộ Kế hoạch & Đầu tư.

Tài liệu tham khảo

Bélanger, D. 2004. Single and childless women of Vietnam: Contesting and negotiating female identity? In L.B.W. Drummond and H. Rydstrom (eds) *Gender Practices in Contemporary Vietnam*, Singapore: Singapore University Press.

- Drummond, L.B.W. 2004. 'The 'modern' Vietnamese woman: Socialization and fashion magazines, in L.B.W. Drummond and H. Rydstrom (eds) *Gender Practices in Contemporary Vietnam*, Singapore: Singapore University Press.
- Drummond, L.B.W. 2007a. 'Contesting landscape: Negotiating Hanoi's urban development under colonial and doi moi municipal governments'. Paper presented at the International Convention of Asia Scholars 5, Kuala Lumpur, Malaysia, 2–5 August 2007.
- Drummond, L.B.W. 2007b. 'Drummond, fast-forward Hanoi: Public space in the utopian city', in Nguyen Xuan Long (ed.) *Hanoi 5000 Ho Guom/Hanoi 5000 Hoan Kiem Lakes*. Catalogue to the art exhibition Hanoi 5000 Ho Guom/Hanoi 5000 Hoan Kiem Lakes, H.: NXB Giao thong Van tai.
- Drummond, L.B.W. and Nguyen Thi Lien (forthcoming). 2007. 'Uses and understandings of public space among young people in Hanoi, Viet Nam', in A. Danière and M. Douglass (eds) *Civic Spaces in Asian Cities*, London: Routledge.
- P_Art Group. 2007. 'Hanoi 5000 Hoan Kiem Lakes', in Nguyen Xuan Long (ed.) *Hanoi 5000 Ho Guom/Hanoi 5000 Hoan Kiem Lakes*. Catalogue to the art exhibition Hanoi 5000 Ho Guom/Hanoi 5000 Hoan Kiem Lakes, H.: NXB Giao thong Van tai.
- Ngo, Thi Ngan Binh. 2004. 'The Confucian four feminine virtues (Tu duc): The old versus the new—Ke thua versus Phat huy', in L.B.W. Drummond and H. Rydstrom (eds) *Gender Practices in Contemporary Vietnam*, Singapore: Singapore University Press.
- United Nations Viet Nam. 2003. Challenges to Youth Employment, Hanoi: UN. Available as a PDF download at <http://www.un.org.vn/key/key.htm>. Last accessed 7 August 2007.
- UNICEF Viet Nam. 2000. Children and Women: A Situation Analysis, Hanoi: UNICEF. Available as a PDF download at http://www.unicef.org/vietnam/resources_894.html. Last accessed 7 August 2007.
- UNICEF Viet Nam. 2001. *The Children of Viet Nam 2000–2001: Stories about Vietnamese Children, The Struggles they Face, and What UNICEF is Doing to Help Them*, Hanoi: UNICEF.
- Viet Nam Commission for Population, Family and Children (VPCFC). 2005. *Chi tieu tre em Viet Nam 2003–2004 [Child Indicators for Viet Nam 2003–2004]*, Hanoi: VPCFC.
- Werner, J. 2004. 'Managing hierarchy among women in the family: Mother and daughter-in-law relations in the Red River Delta in Vietnam', in L.B.W. Drummond and H. Rydstrom (eds) *Gender Practices in Contemporary Vietnam*. Singapore: Singapore University Press.